



GIỚI THIỆU NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA BLDS 2015 LIÊN QUAN ĐẾN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI

CẤU TRÚC BÀI TRÌNH BÀY



Những điểm
mới của Bộ luật
Dân sự (BLDS)
2015



Một số vấn đề cần
trao đổi về áp
dụng BLDS 2015
trong xét xử.

I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA BLDS 2015

BLDS 2015 được Quốc Hội thông qua vào ngày 24/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2017, được ban hành nhằm đáp ứng một số yêu cầu cơ bản

Khắc phục những bất cập của BLDS 2005 mà thực tiễn thực hiện 10 năm qua đã chỉ ra

Đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN hay chính là xây dựng BLDS thành Bộ luật của nền kinh tế thị trường.

Đáp ứng yêu cầu của Nhà nước pháp quyền: ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân đã được Hiến pháp 2013 quy định.

1. BLDS 2015 đề cao tự do ý chí, tự nguyện cam kết, thoả thuận của các chủ thể trong giao dịch dân sự.



Từ 10 nguyên tắc được quy định trong BLDS 2005 (Điều 4 đến Điều 13, Chương 2, Phần quy định chung), nay chỉ còn lại 05 nguyên tắc được quy định tại Điều 3 của BLDS 2015 (giảm $\frac{1}{2}$ số nguyên tắc và giảm 09 điều luật), được chỉnh sửa và khái quát lên thành 5 nguyên tắc cơ bản:

- Nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thoả thuận (Điều 4);
- Nguyên tắc bình đẳng (Điều 5);
- Nguyên tắc thiện chí trung thực (Điều 6);
- Nguyên tắc chịu trách nhiệm dân sự (Điều 7);
- Nguyên tắc tôn trọng lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của người khác (Điều 10);
- Các nguyên tắc còn lại do không được xác định là nguyên tắc cơ bản nên hoặc là chuyển thành nguyên tắc của các chế định pháp luật tương ứng hoặc bị loại bỏ.

05 nguyên tắc trong BLDS 2015 đều là yêu cầu cốt lõi xuất phát từ bản chất của quan hệ dân sự: bình đẳng, tự do ý chí, tự nguyện cam kết, thoả thuận, tự chịu trách nhiệm → giúp Thẩm phán xem xét, đánh giá việc xác lập và thực hiện các giao dịch dân sự có phù hợp với bản chất của quan hệ dân sự hay không → Thẩm phán áp dụng vào việc giải quyết các tranh chấp dân sự trong trường hợp các bên không có thoả thuận, pháp luật không quy định, không có tập quán được áp dụng và không thể áp dụng tương tự pháp luật (khoản 2, Điều 6).

1. BLDS 2015 đề cao tự do ý chí, tự nguyện cam kết, thoả thuận của các chủ thể trong giao dịch dân sự.

(ii)

BLDS 2015 đã đặt thoả thuận của các bên trong giao dịch dân sự mà không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội ở vị thế được ưu tiên thực hiện, ưu tiên áp dụng trong giải quyết tranh chấp dân sự. Các điều luật quy định về Áp dụng tập quán (Điều 5); Áp dụng tương tự pháp luật (Điều 6) đều đặt lên hàng đầu việc ưu tiên áp dụng thoả thuận của các bên. Chỉ trong trường không có thoả thuận của các bên thì pháp luật và tiếp đó là các thể chế khác mới được áp dụng. Đây là một trong những điểm mới của BLDS 2015 so với BLDS 2005, ở đó quy định pháp luật được đặt ở vị thế ưu tiên hơn (Điều 3, BLDS 2005). Ngoài ra, trong nhiều quy định của BLDS 2015 bên cạnh quy định cứng cũng có quy định mở “*trừ trường hợp các bên có thuận khác*” → thể hiện tư duy tôn trọng ý chí của các bên trong giao dịch dân sự (ví dụ: khoản 1, Điều 32; khoản 4, Điều 38; khoản 2, Điều 43;...).

1. BLDS 2015 đề cao tự do ý chí, tự nguyện cam kết, thoả thuận của các chủ thể trong giao dịch dân sự.

(ii)

BLDS 2015 đã giải quyết hợp lý hơn mối quan hệ giữa ý chí của các bên trong giao dịch dân sự và yêu cầu về hình thức của giao dịch theo hướng tôn trọng hơn ý chí của các bên. BLDS 2015 đã thay khái niệm “*pháp luật*” bằng khái niệm “*luật*”, nghĩa là chỉ có Quốc hội mới có thẩm quyền quy định hình thức bắt buộc của giao dịch dân sự bằng luật, thu hẹp đáng kể yêu cầu về hình thức với tư cách là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, tôn trọng hơn ý chí của các bên. Tương tự như vậy, BLDS 2015 cũng quy định: “*Trong trường hợp luật quy định giao dịch dân sự phải thể hiện bằng văn bản, phải có công chứng, chứng thực, đăng ký thì phải tuân theo quy định đó*” (khoản 2, Điều 119). Bằng việc bỏ yêu cầu xin phép, thay khái niệm “*pháp luật*” bằng khái niệm “*luật*”, BLDS 2015 đã mở rộng đáng kể quyền tự do lựa chọn hình thức giao dịch của các bên, đề cao ý chí, thoả thuận của các bên.

2. BLDS 2015 có nhiều quy định mới về tài sản, quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản, góp phần thúc đẩy giao lưu dân sự đáp ứng yêu cầu đầy năng động của nền kinh tế thị trường.

Tài sản

Quyền sử dụng đất

Hiến pháp 2013 chỉ dừng ở quy định: "*Quyền sử dụng đất được pháp luật bảo hộ.*" (khoản 2, Điều 54)

Điều 322 (khoản 2) của **BLDS 2005** đã liệt kê quyền sử dụng đất trong danh sách quyền tài sản được dung để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; quyền sử dụng đất cũng được **Luật Kinh doanh bất động sản** coi là tài sản thuộc bất động sản.

BLDS 2015 khẳng định quyền sử dụng đất là quyền tài sản.



Người dân sẽ yên tâm hơn, giao dịch dân sự liên quan đến quyền sử dụng đất sẽ diễn ra sôi động, an toàn hơn → thúc đẩy sự phát triển của thị trường BĐS

2. BLDS 2015 có nhiều quy định mới về tài sản, quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản, góp phần thúc đẩy giao lưu dân sự đáp ứng yêu cầu đầy năng động của nền kinh tế thị trường.

Tài sản

Chỉnh sửa, làm rõ và chính xác hơn khái niệm chiếm hữu, chiếm hữu ngay tình, chiếm hữu không ngay tình (các Điều 179, 180, 181)

Chiếm hữu tài sản

Bổ sung quy định mới : *“Suy đoán về tình trạng và quyền của người chiếm hữu”*

2. BLDS 2015 có nhiều quy định mới về tài sản, quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản, góp phần thúc đẩy giao lưu dân sự đáp ứng yêu cầu đầy năng động của nền kinh tế thị trường.

**Tài
sản**

**Quyền
sở
hữu,**

BLDS 2015 có khá nhiều quy định mới theo hướng bảo vệ tốt hơn quyền sở hữu trong điều kiện quan hệ sở hữu nằm trong trạng thái vận động, dịch chuyển không ngừng đáp ứng yêu cầu của thị trường.

2. BLDS 2015 có nhiều quy định mới về tài sản, quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản, góp phần thúc đẩy giao lưu dân sự đáp ứng yêu cầu đầy năng động của nền kinh tế thị trường.

Tài sản

Quyền sở hữu

- Không ai có thể bị hạn chế, bị tước đoạt trái luật quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản (khoản 1, Điều 163)
- Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền tự bảo vệ, ngăn chặn bất kỳ người nào có hành vi xâm phạm quyền của mình bằng những biện pháp không trái với quy định của pháp luật (khoản 1, Điều 164)
- Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và bồi thường thiệt hại (khoản 2, Điều 164)
- Quyền sở hữu, các quyền khác đối với tài sản chỉ bị hạn chế bởi luật; khi nhà nước trưng mua hoặc trưng dụng tài sản trong trường hợp thật cần thiết vì lý do an ninh, quốc phòng hoặc vì lợi ích quốc gia; tình trạng khẩn cấp, phòng chống thiên tai (khoản 2 Điều 163).

2. BLDS 2015 có nhiều quy định mới về tài sản, quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản, góp phần thúc đẩy giao lưu dân sự đáp ứng yêu cầu đầy năng động của nền kinh tế thị trường.



Tài
sản



Quyền
sở
hữu

- Về hình thức sở hữu, BLDS 2015 đã có những thay đổi lớn so với BLDS 2005. **BLDS 2005** quan niệm sự khác biệt giữa các hình thức sở hữu do tính chất, chức năng, nhiệm vụ của các chủ thể, do đó đã chủ yếu dựa vào chủ sở hữu để xác định các hình thức sở hữu, bao gồm: (1) sở hữu nhà nước; (2) sở hữu tập thể; (3) sở hữu tư nhân; (4) sở hữu chung; (5) sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội; (6) sở hữu của tổ chức chính trị xã hội-ngành nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp. Cách phân định hình thức sở hữu này không hợp lý, vì không thấy rõ được sự khác biệt về phương thức thực hiện quyền sở hữu, hơn nữa cách phân định theo kiểu liệt kê dựa vào sự khác nhau về chủ thể sẽ dễ làm cho BLDS chóng lạc hậu và phải sửa đổi mỗi khi có chủ thể mới xuất hiện. Khắc phục các bất cập đó, **BLDS 2015** quy định 3 hình thức sở hữu là (1) sở hữu toàn dân; (2) sở hữu riêng; (3) sở hữu chung. Phương thức thực hiện quyền sở hữu ở các hình thức sở hữu này có sự khác nhau rất rõ.

3. BLDS 2015 có một số quy định mới đặt nền móng cho việc xây dựng các thiết chế tài phán đáng tin cậy để bảo vệ một cách kịp thời, đúng pháp luật, hiệu quả quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức

Quy định trách nhiệm của tòa án, cơ quan có thẩm quyền khác trong việc tôn trọng, bảo vệ quyền dân sự của cá nhân, pháp nhân
(khoản 1, Điều 14)

Bảo vệ quyền dân sự bằng thủ tục hành chính chỉ được thực hiện trong trường hợp luật định

Khi quyền dân sự bị xâm phạm hoặc có tranh chấp thì việc bảo vệ quyền được thực hiện theo pháp luật tố tụng tại Tòa án hoặc trọng tài

Toà án có quyền xem xét lại quyết định giải quyết vụ việc theo thủ tục hành chính

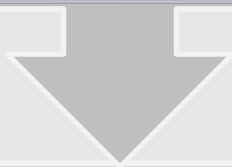
3. BLDS 2015 có một số quy định mới đặt nền móng cho việc xây dựng các thiết chế tài phán đáng tin cậy để bảo vệ một cách kịp thời, đúng pháp luật, hiệu quả quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức

BLDS 2015 quy định nguyên tắc *“Toà án không được từ chối giải quyết vụ, việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng”*. Lần đầu tiên nguyên tắc này được quy định trong BLDS Việt Nam, hoàn toàn phù hợp với nhiệm vụ bảo vệ công lý của Toà án vừa mới được Hiến pháp 2013 quy định. Trong nhà nước pháp quyền, toà án phải là thiết chế chủ yếu giải quyết các tranh chấp xảy ra và là địa chỉ đáng tin cậy cuối cùng trong việc bảo vệ công lý → tạo căn cứ để Toà án áp dụng giải quyết vụ, việc dân sự trong trường hợp pháp luật không có quy định, đó là áp dụng tập quán, áp dụng tương tự pháp luật, áp dụng các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự được quy định tại Điều 3 của BLDS 2015, áp dụng án lệ, lẽ công bằng.

3. BLDS 2015 có một số quy định mới đặt nền móng cho việc xây dựng các thiết chế tài phán đáng tin cậy để bảo vệ một cách kịp thời, đúng pháp luật, hiệu quả quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức

Quy định

Toà án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi toà án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc (khoản 2, Điều 149)



Mục đích

Loại trừ quyền chủ động áp dụng thời hiệu của Toà án để công nhận hay không công nhận, để bảo vệ hay không bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan

3. BLDS 2015 có một số quy định mới đặt nền móng cho việc xây dựng các thiết chế tài phán đáng tin cậy để bảo vệ một cách kịp thời, đúng pháp luật, hiệu quả quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức

Thẩm quyền của toà án giải quyết yêu cầu của các bên về chấm dứt hay sửa đổi hợp đồng trong trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Đã quy định rõ, đầy đủ các điều kiện để xác định khi nào thì được xác định là hoàn cảnh thay đổi cơ bản

(khoản 1, Điều 420).

Quy định quyền của bên có lợi ích bị ảnh hưởng về việc yêu cầu bên kia đàm phán lại hợp đồng (khoản 2, Điều 420).

Trường hợp hai bên không đạt được sự thoả thuận về sửa đổi hợp đồng thì một trong các bên có thể yêu cầu Toà án chấm dứt hoặc sửa đổi hợp đồng. Toà án chỉ được quyết định việc sửa đổi hợp đồng trong trường hợp việc chấm dứt hợp đồng sẽ gây thiệt hại lớn hơn so với các chi phí để thực hiện hợp đồng nếu được sửa đổi

(khoản 3, Điều 420).

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN TRAO ĐỔI VỀ ÁP DỤNG BLDS 2015 TRONG XÉT XỬ

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN TRAO ĐỔI VỀ ÁP DỤNG BLDS 2015 TRONG XÉT XỬ



Nhóm các vấn đề
liên quan đến
chế định
hợp đồng



Nhóm các vấn đề
liên quan đến
tranh chấp
tín dụng

NHÓM CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CHẾ ĐỊNH HỢP ĐỒNG

1. Thay đổi quy định về hình thức hợp đồng

Bộ luật Dân sự 2015 quy định chung về hợp đồng (Phần thứ 3, Chương XV) mà không gọi là hợp đồng dân sự như quy định tại BLDS 2005 (Phần thứ 3, Chương XVII).



- Việc thay đổi tên gọi này tạo nên khác biệt gì so với BLDS 2005?
- Mỗi quan hệ của các quy định về hợp đồng trong BLDS 2015 với các quy định pháp luật về một số loại hợp đồng chuyên biệt khác, như hợp đồng thương mại, hợp đồng tín dụng, hợp đồng góp vốn đầu tư...

NHÓM CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CHẾ ĐỊNH HỢP ĐỒNG

Tình huống 1:

Khoản 1 Điều 3 Luật Thương mại 2005 quy định “*Hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác*”. Tuy nhiên, các “hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác” là những hoạt động cụ thể nào cho đến nay chưa có văn bản giải thích. Như vậy, các tranh chấp trong lĩnh vực xây dựng, tín dụng, bảo hiểm có được xem là những hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác và có phải là đối tượng điều chỉnh của Luật Thương mại không?



NHÓM CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CHẾ ĐỊNH HỢP ĐỒNG

2. Giải thích hợp đồng

Theo quy định của BLDS 2015, khi hợp đồng có điều khoản không rõ ràng và không có điều luật áp dụng trực tiếp đối với nội dung điều khoản đó thì việc giải thích hợp đồng sẽ áp dụng theo quy định pháp luật nào?

NHÓM CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CHẾ ĐỊNH HỢP ĐỒNG

Tình huống 2:

Doanh nghiệp A nhận thầu sửa chữa trụ sở cho doanh nghiệp B. Giá thanh toán chính thức được xác định vào ngày hoàn công dựa trên khối lượng công việc và các hạng mục thi công trên thực tế. Đến ngày thanh toán, doanh nghiệp A cho rằng giá thanh toán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) nên doanh nghiệp B phải thanh toán thêm 10% VAT. Doanh nghiệp B cho rằng cách tính giá đã bao gồm VAT.

Thông thường, các doanh nghiệp tại địa phương nơi doanh nghiệp A và doanh nghiệp B hoạt động thường ghi nhận giá thanh toán không bao gồm VAT. Tuy nhiên, trong các lần thương thảo hợp đồng và các bản dự thảo hợp đồng trước đây, hai bên có trao đổi là giá hợp đồng là giá đã bao gồm VAT. Tuy nhiên, bản hợp đồng được ký kết chính thức lại thiếu mất cụm từ “bao gồm thuế VAT” trong quy định về giá của Hợp đồng.

NHÓM CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CHẾ ĐỊNH HỢP ĐỒNG

Câu hỏi Tình huống 2

- Như vậy, cách tính trong hợp đồng nói trên có ngụ ý rằng giá thanh toán bao gồm VAT hay không?
- Thẩm phán khi xét xử có thể coi tình tiết “thông thường, các doanh nghiệp tại địa phương nơi doanh nghiệp A và doanh nghiệp B hoạt động thường ghi nhận giá thanh toán không bao gồm VAT” là “tập quán” để giải quyết vụ việc hay không hay coi đây là một “thói quen trong hoạt động thương mại” theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật Thương mại 2005? Nếu là “thói quen thương mại” thì căn cứ bao nhiêu lần và trong thời gian bao lâu được coi là thói quen thương mại? Hoặc thẩm phán có thể coi các biên bản, dự thảo hợp đồng là chứng cứ để xác định ý chí của các bên khi xác lập hợp đồng.
- Thẩm phán cần phải lưu ý tới các nguồn luật nào và trật tự áp dụng các nguồn luật ra sao để giải thích hợp đồng?



NHÓM CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CHẾ ĐỊNH HỢP ĐỒNG

3. Hợp đồng theo mẫu

Hướng xử lý của tòa án trong những trường hợp tranh chấp hợp đồng theo mẫu hay điều kiện giao dịch chung nhưng chưa đăng ký tại Cục Quản lý cạnh tranh (Bộ Công thương) trong hai trường hợp:

- Hợp đồng mẫu buộc phải đăng ký theo quy định của Luật Bảo vệ người tiêu dùng nhưng doanh nghiệp không đăng ký thì có bị coi là vô hiệu không? Nếu vô hiệu thì bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng như thế nào?
- Hợp đồng mẫu không thuộc diện phải đăng ký theo các quy định của Luật Bảo vệ người tiêu dùng thì có áp dụng các điều kiện đối với hợp đồng theo mẫu theo quy định tại Điều 405 của BLDS 2015 không?

NHÓM CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CHẾ ĐỊNH HỢP ĐỒNG

Tình huống 3:

Doanh nghiệp kinh doanh bất động sản V tiến hành bán các căn hộ chung cư, căn hộ liền kề và biệt thự nhà vườn. Các hợp đồng bán căn hộ chung cư được đăng ký theo quy định tại Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc danh mục hàng hoá, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung. Tuy nhiên, trong quá trình mua bán căn hộ, các bên lại sửa đổi một số quy định của hợp đồng bán căn hộ cho phù hợp với thực tiễn và không đăng ký lại. Vậy hợp đồng sửa đổi đó có được coi là hợp đồng theo mẫu hay không?

Đối với hợp đồng bán căn hộ liền kề và biệt thự nhà vườn, doanh nghiệp V không đăng ký là hợp đồng theo mẫu do không có yêu cầu của pháp luật. Người mua nhà không có quyền đàm phán sửa đổi hợp đồng vì doanh nghiệp V cho rằng đây là hợp đồng áp dụng chung cho mọi khách hàng. Nhưng nội dung hợp đồng theo mẫu quy định: “hợp đồng này được xác lập dựa trên thoả thuận tự nguyện của các bên” → Thẩm phán có thể áp dụng Điều 405 BLDS 2015 để giải thích những điều khoản không rõ ràng của hợp đồng này theo hướng có lợi cho người mua căn hộ liền kề hoặc biệt thự không?

NHÓM CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CHẾ ĐỊNH HỢP ĐỒNG

4. Giao dịch dân sự vô hiệu

Với Tình huống 3 nêu trên, cách xác định đã thực hiện ít nhất **hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch** để xác định giao dịch dân sự bị vô hiệu theo Điều 129 và Điều 132 BLDS 2015?



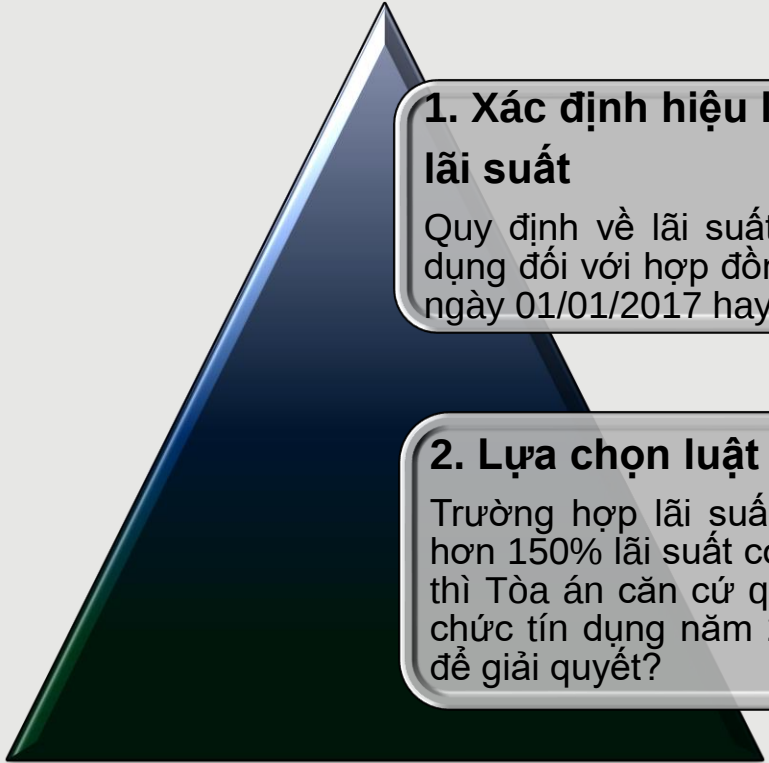
NHÓM CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CHẾ ĐỊNH HỢP ĐỒNG

5. Bồi thường thiệt hại ước tính

Điều 13 của BLDS 2015 quy định về bồi thường thiệt hại như sau: *“ cá nhân, pháp nhân có quyền dân sự bị xâm phạm được bồi thường toàn bộ thiệt hại, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.*”
Như vậy, BLDS 2015 có công nhận việc các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận về thiệt hại ước tính không?



NHÓM CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TRANH CHẤP TÍN DỤNG



1. Xác định hiệu lực của BLDS 2015 về lãi suất

Quy định về lãi suất tại Điều 468 BLDS 2015 có áp dụng đối với hợp đồng vay tài sản được xác lập trước ngày 01/01/2017 hay không?

2. Lựa chọn luật áp dụng về lãi suất

Trường hợp lãi suất cho vay trong hợp đồng tín dụng cao hơn 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố thì Tòa án căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 hay khoản 1 Điều 476 BLDS 2005 để giải quyết?

NHÓM CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TRANH CHẤP TÍN DỤNG

3. Xác định mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường

Điều 306 Luật Thương mại: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”.

1.

Lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán?

2.

Lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba Ngân hàng trên địa bàn xảy ra tranh chấp?

NHÓM CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TRANH CHẤP TÍN DỤNG

Tình huống 3: Xác định lãi suất trong các hợp đồng vay vàng khi có tranh chấp

Tại khoản 5 Mục I Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19-6-1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính đã hướng dẫn: "*Trong trường hợp đối tượng hợp đồng vay tài sản là vàng, thì lãi suất chỉ được chấp nhận khi Ngân hàng Nhà nước có quy định và cách tính lãi suất không phân biệt như các trường hợp đã nêu tại khoản 4 trên đây, mà chỉ tính bằng mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định*". (Công văn 24/1999/KHXX).

Theo Quyết định số 432/2000/QĐ-NHNN ngày 03/10/2000 và Thông tư 22/2010/TT-NHNN ngày 29/10/2010, Ngân hàng Nhà nước cho phép các tổ chức tín dụng có giấy phép hoạt động ngoại hối được huy động và cho vay vốn bằng vàng. Các tổ chức tín dụng này được phép ấn định lãi suất huy động và cho vay vốn bằng vàng trên cơ sở cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Do vậy mức lãi suất của các tổ chức tín dụng (ngân hàng thương mại, cổ phần...) là hoàn toàn khác nhau.

Vấn đề: Khi các bên có tranh chấp và có yêu cầu Tòa án giải quyết việc vay tài sản là vàng và có lãi suất, thì mức lãi suất của các hợp đồng vay vàng áp dụng như thế nào? Áp dụng mức lãi suất huy động hay mức lãi suất ngân hàng cho vay?

CẢM ƠN!

- **PGS. TS. Hoàng Thế Liên**

(Nguyên Thứ Trưởng thường trực Bộ Tư pháp)

- **Luật sư Nguyễn Hưng Quang**

(Văn phòng Luật sư NHQuang&Cộng sự)

